

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HS-ST

Ngày: 10/4/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Vũ Thu Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thụy Đảm

Ông Nguyễn Quyết Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương - Thư ký TAND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện VKSND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16 /2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Văn H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh năm: 1992; Nơi sinh: Xã PH, huyện KC, tỉnh HY.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không

Nơi đăng ký HKTT: Xã PH, huyện KC, tỉnh HY.

Chỗ ở: Thôn YV, xã DT, huyện KC, tỉnh HY.

Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Họ tên cha: Phạm Văn V; Sinh năm 1954; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Ông Vinh được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang.

Họ tên mẹ: Lê Thị C; Sinh năm 1965; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Gia đình có 03 anh em, H là thứ ba.

Vợ: Nguyễn Thị Vân A; sinh năm 1994; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Con: Có 01 con sinh năm 2015.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên, theo lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa

2. Họ và tên: Phạm Văn T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh năm: 1994; Nơi sinh: Xã DT, huyện KC, tỉnh HY.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không

Nơi đăng ký HKTT: Xã DT, huyện KC, tỉnh HY.

Chỗ ở: Thôn ĐN, xã DT, huyện KC, tỉnh HY.

Trình độ học vấn: 08/12. Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Họ tên cha: Phạm Văn T; Sinh năm 1970; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Họ tên mẹ: Đặng Thị L; Sinh năm 1974; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Gia đình có 02 anh em, T là con thứ nhất.

Vợ, con: Chưa.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm: 1994

HKTT: Thôn TQ, xã PH, huyện KC, tỉnh HY

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

Anh Tạ Minh T1, sinh năm: 1982

Trú tại: Thôn BK, xã TT, huyện VG, tỉnh HY.

Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Vân A có mặt, những người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 28/12/2017, Phạm Văn T sinh năm 1994 trú tại thôn ĐN, xã DT, huyện KC điều khiển xe máy nhãn hiệu Dream biển số 89H7 – 4008 chở Phạm Văn H (bạn T) sinh năm 1992 trú tại thôn YV, xã DT, huyện KC đi từ thị trấn KC lên địa bàn huyện VG chơi. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi đi trên đường 379 thuộc địa phận thôn BK, xã TT, huyện VG, T và H bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy: Thu giữ tại túi quần phía sau bên phải của T 01 chiếc ví da màu đen đựng 02 gói nilon (01 gói kích thước 2,5cm x 3,5cm và 01 gói kích thước 2cm x 2,5cm) bên trong đều chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng dụng cụ (T khai là ma túy) được niêm phong ký hiệu 01; Thu giữ của H 01 điện thoại

Iphone 5 màu trắng và 01 điện thoại hãng Masstel cùng chiếc xe máy nhãn hiệu Dream biển số 89H7 – 4008. .

Cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang khám xét khẩn cấp nơi ở của H và T nhưng không thu giữ được gì.

Tại bản kết luận giám định số 6610/C54(TT2) ngày 16/01/2018 của Viện khoa học hình sự xác định: *Mẫu tinh thể màu trắng trong 02 gói nilon gửi giám định đều là ma túy có tổng trọng lượng (khối lượng) 1,125gam loại Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, STT 67, Nghị định 82/2013 ngày 19/7/2013. Sau giám định hoàn lại 0,721g mẫu tinh thể và vỏ bao gói trong phong bì niêm phong số 6610/C54(TT2).*

Quá trình điều tra xác định: Phạm Văn H và Phạm Văn T đều là đối tượng nghiện chất ma túy có mối quan hệ bạn bè với nhau. Khoảng 20 giờ ngày 27/12/2017, T đến nhà H chơi và ngủ qua đêm tại nhà H. Đến khoảng 13 giờ ngày 28/12/2017, H rủ T đi xuống khu vực thị trấn KC để mua ma túy, T đồng ý. H thấy chiếc xe máy nhãn hiệu Dream biển số 89H7 -4008 của chị Nguyễn Thị Vân A (vợ H) để ở nhà nên điều khiển chiếc xe này chở T đi từ nhà H đến trước cổng trung tâm y tế huyện KC thì dừng lại, H bảo T đứng chờ ở đó còn H cầm số tiền 300.000đ của H đi bộ vào một ngõ nhỏ thuộc khu phố P, thị trấn KC gặp một người đàn ông không quen biết (theo H khai tên là Nguyễn Văn N (tức Cò) nhà ở khu phố TQT, thị trấn KC) đã hỏi mua ma túy về sử dụng. Người này đồng ý bán cho H 02 gói ma túy được gói bằng túi nilon (01 gói kích thước 2,5cm x 3,5cm và 01 gói kích thước 2cm x 2,5cm) bên trong đều chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng dụng cụ với giá 300.000đ. Sau đó, H cầm 02 gói ma túy cất vào ngăn nhỏ trong ví da màu đen, H đi ra chỗ T đang đứng đợi nói cho T biết vừa mua được ma túy đã cất trong chiếc ví rồi đưa cho T cất giữ chiếc ví trên và bảo T điều khiển xe máy chở H lên địa phận huyện VG tìm địa điểm để cùng nhau sử dụng ma túy. Đến khoảng 15 giờ ngày 28/12/2017, khi T đang chở H đi trên đường 379 thuộc thôn BK, xã TT, huyện VG thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Giang phát hiện, bắt quả tang thu giữ toàn bộ số ma túy trên và các vật chứng có liên quan.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKS-VG ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Phạm Văn H, Phạm Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay:

Các bị cáo H, T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, công nhận bản cáo trạng và bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang là đúng, các bị cáo tỏ thái độ ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang tham gia phiên tòa có quan điểm xác định sự vắng mặt người làm chứng tại phiên tòa không ảnh hưởng

tới việc xét xử các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Kết thúc phần xét hỏi đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ chứng minh tội phạm, phân tích tính nguy hiểm của tội phạm do các bị cáo gây ra, hậu quả của hành vi đối với xã hội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang đề nghị Hội đồng xét xử.

Áp dụng điểm c, Khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015. Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội đối với bị cáo Phạm Văn H, Phạm Văn T. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Phạm Văn H

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn H, Phạm văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 28/12/2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 28/12/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ một phong bì niêm phong hoàn mẫu vật sau giám định, 01 ví da màu đen. Trả lại bị cáo H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone5 màu trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu cam. Trả lại chị Nguyễn Thị Vân A chiếc xe máy nhãn hiệu Dream BKS: 89H7 – 4008.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện. Hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

[2]. Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Các bị cáo và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang đề nghị xét xử vắng mặt những người làm chứng trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra người làm chứng đã có đầy đủ lời khai, thể hiện rõ quan điểm của mình và việc vắng mặt họ tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp khách quan với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai ban đầu của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 15 giờ ngày 28/12/2017, tại đoạn đường 379 thuộc địa phận thôn BK, xã TT, huyện VG; Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang kiểm tra, phát hiện bắt quả tang Phạm Văn H và Phạm Văn T có hành vi tàng trữ trái phép 1,125 gam ma túy loại Methamphetamine. Số ma túy trên do H bỏ tiền ra mua rồi đưa T cất giữ nhằm mục đích để cả hai sử dụng chung.

Phạm Văn H và Phạm Văn T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tàng trữ ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi mua 1,125 gam ma túy loại Methamphetamine cất giấu trong người mục đích để sử dụng. Hành vi này của các bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác hại lớn về nhiều mặt cho xã hội, làm ảnh hưởng đến các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước. Nghiêm trọng hơn, hành vi của bị cáo còn là một trong những nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh và lây lan căn bệnh HIV/AIDS, là nguyên nhân huỷ hoại sức khỏe, trí lực của con người, phá hoại kinh tế, hạnh phúc gia đình cũng như làm phát sinh các loại tội phạm khác. Chỉ vì nghiện ma túy, để thỏa mãn cơn nghiện mà bị cáo bất chấp tác hại của ma túy, coi thường pháp luật tàng trữ để sử dụng.

Việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay không chỉ nhằm mục đích trừng trị, giáo dục giúp các bị cáo sớm cai nghiện, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội mà còn nhằm mục đích tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật trong quần chúng nhân dân, từ đó có thái độ tôn trọng pháp luật và phối hợp cùng các cơ quan bảo vệ pháp luật đấu tranh, phòng chống và loại trừ loại tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội. Việc quyết định hình phạt đối với các bị cáo còn là lời cảnh báo, răn đe đối với những người có ý định thực hiện tội phạm về ma túy nói riêng và các loại tội phạm khác nói chung

Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, quá trình phạm tội các bị cáo không có sự bàn bạc hay phân công vai trò nhiệm vụ cho từng bị cáo, H là người giữ vai trò chính, H rủ T cùng đi mua ma túy và trực tiếp bỏ tiền ra mua ma

túy. T là người giữ vai trò đồng phạm với H, khi biết H mua được ma túy T đã cất giấu ma túy trên người giúp H để cùng nhau sử dụng chung.

Các bị cáo thực hiện hành vi tàng trữ trái phép ma túy trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật; trọng lượng ma túy bị cáo tàng trữ nằm trong định lượng quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999 có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù, đồng thời cũng nằm trong định lượng ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt 01 năm đến 05 năm tù. So sánh mức hình phạt cùng tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 thì khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt nhẹ hơn khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 về việc áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội, HĐXX sẽ áp dụng cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt quy định tại khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo chưa có tiền án tiền sự, đây là lần đầu phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, HĐXX sẽ áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo H có bố đẻ được Nhà nước tặng Huân chương chiến sĩ vẻ vang nên bị cáo được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999

[6]. Để đáp ứng yêu cầu phòng chống tội phạm, căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, vai trò, tính chất, mức độ của hành vi, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án, HĐXX xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc là phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục riêng đối với bị cáo và làm bài học ngăn ngừa tội phạm chung cho mọi người.

Đối với Nguyễn Văn N (tức Cò) là người đã bán ma túy cho H theo H khai, quá trình điều tra xác định hiện N không có mặt tại địa phương đề nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[7]. Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, các bị cáo tàng trữ ma túy mục đích để sử dụng không có mục đích kiếm lời, bản thân các bị cáo không có thu nhập, không có tài sản gì giá trị nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8]. Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Dream biển số 89H7-4008 các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi lại ngày 28/12/2017 là tài sản của chị Vân A, chị Vân A không biết và không tham gia vào việc phạm tội của H và T nên cần trả lại chiếc xe cho chị Vân A.

01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật gửi giám định (Methamphetamine) của Viện khoa học hình sự là vật Nhà nước cấm lưu hành, 01 ví da màu đen đã cũ các bị cáo sử dụng vào việc cất giữ ma túy, giá trị sử dụng thấp sẽ tịch thu tiêu hủy.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone5 màu trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu cam thu giữ của bị cáo H, xét thấy là tài sản hợp pháp của H, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo sẽ trả lại cho bị cáo.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ : khoản 1 Điều 194, Điều 33, điểm c khoản 1 Điều 41; điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46; điều 20; điều 53 Bộ luật hình sự 1999; Điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Khoản 3 Điều 7, điểm c, Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106, Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn H và bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 01(một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 28/12/2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 28/12/2017.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo 45 (Bốn mươi lăm ngày) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo việc thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật gửi giám định (Methamphetamine) của Viện khoa học hình sự , 01 ví da màu đen đã cũ .

Trả lại chị Nguyễn Thị Vân A chiếc xe máy nhãn hiệu Dream BKS: 89H7 - 4008.

Trả lại bị cáo Phạm Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone5 màu trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu cam .

(Các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/4/2018 giữa Công an huyện Văn Giang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang)

3. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn H, Phạm Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA, TAND tỉnh HY.
- VKSND tỉnh Hưng Yên.
- CA huyện Văn Giang.
- VKS huyện Văn Giang.
- Chi cục THADS huyện Văn Giang.
- UBND xã Dạ Trạch, h. Khoái Châu
- UBND xã Phùng Hưng, h. Khoái Châu
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Vũ Thu Giang